

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 09 tháng 04 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân và bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến (điểm cầu trung tâm tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, điểm cầu thành phần tại Phân Trại tạm giam khu vực huyện P) vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh ngày 01/01/1993, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc D; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo N bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2024 cho đến nay, tại Phân Trại tạm giam khu vực huyện P (có mặt).

Người làm chứng: Ông Phan Hữu T1; bà Nguyễn Thị N1 (cả 02 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/11/2024, nhận được tin báo của người dân có một nam thanh niên điều khiển xe mô tô biển số 65H2 - 5715 chạy hướng xã P - xã P có biểu hiện phạm tội ma túy nên Công an xã P, huyện P tiến hành kiểm tra. Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày tại khu vực tổ H, ấp P, xã P, phát hiện Phạm

Văn N (sinh năm 1993, cư trú ấp P, xã P) có đặc điểm nêu trên nên cho dừng phương tiện kiểm tra. Lúc này, N tự lấy trong túi quần bên trái phía trước ra 01 bọc nylon trong suốt được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng ra giao nộp. Nguyên khai nhận bọc nylon trên chứa ma túy đá do N mua của X (không rõ họ, địa chỉ) vào ngày 20/11/2024 ở khu vực khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang với giá 200.000 đồng, mục đích để sử dụng (Xắt là do B (không rõ họ, địa chỉ) giới thiệu quen biết trước đó), nên lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N và thu giữ vật chứng có liên quan.

Căn cứ Kết luận Giám định số 1650/KL-KTHS ngày 29/11/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A xác định: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3703gam.

Tại Cáo trạng số: 11/CT-VKSPT ngày 27/02/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ; trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M02 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh (đã qua sử dụng).

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa và tranh luận gì khác, lời nói sau cùng chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn K nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 23/11/2024 tại khu vực tổ H, ấp P, xã P, Phạm Văn N có hành vi tàng trữ 01 bọc nilon trong suốt được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, qua giám định xác định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3703gam, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Phạm Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm là tội phạm nghiêm trọng.

Đối với, người tên X bán ma túy cho N, người tên B đã giới thiệu cho N mua ma túy, người tên T2 mà Nguyễn khai tìm mua dụng cụ sử dụng ma túy, do không rõ họ, địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, là nguyên nhân xảy ra nhiều loại tội phạm khác, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần xử lý nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hiện tại trên địa bàn huyện P, các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số lượng ma túy còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M02 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh bị cáo không sử dụng để liên lạc mua ma túy, không phải là công cụ phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (23/11/2024).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong ghi vụ số 1650/KL-KTHS ngày 29/11/2024, bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định khối lượng 0,0349 (Không phải không ba bốn chín) gam ma túy.

Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M02 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh (đã qua sử dụng).

(Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2025).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phân trại tạm giam KV huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu